Số: 45/SNV-XDCQ&CTTN; 08/01/2021; 16:24:29

LỊCH TRÌNH THỜI GIAN VÀ CÁC CÔNG VIỆC CẦN THỰC HIỆN TRONG CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
1	Thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban bầu cử ở các huyện, thị xã, thành phố và ở các xã, phường, thị trấn (chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử)	07/02/2021	Điều 22	
Tổ chức hội nghị toàn tỉnh triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021–2026 vào ngày 12 tháng 01 năm 2021				
Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức hội nghị triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021–2026 (hoàn thành chậm nhất trước ngày 19 tháng 01 năm 2021)				
2	Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử)	07/02/2021	Điều 7, 8, 9	
3	Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở các cấp (chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử)	07/02/2021	Điều 7, 8, 9	
4	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử)	17/02/2021	Khoản 1 Điều 38	
5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cấp huyện, cấp xã tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất (chậm nhất là 95 ngày trước ngày bầu cử)	17/02/2021	Khoản 1 Điều 39, Điều 50	
6	Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 90 ngày trước ngày bầu cử)	22/02/2021	Điều 40	

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
7	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp (chậm nhất là 90 ngày trước ngày bầu cử)	22/02/2021	Điều 51	
8	Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử (chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử)	04/3/2021	Điều 10	
9	Ủy ban bầu cử ở các cấp ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử (chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử)	04/3/2021	Điều 10	
10	Thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở mỗi đơn vị bầu cử (chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử)	14/3/2021	Khoản 1, 2 Điều 24	
11	Thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã (chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử)	14/3/2021	Khoản 1, 2 Điều 24	
12	Nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội tại Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử tỉnh Thanh Hóa (chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử)	14/3/2021	Khoản 1 Điều 36	
13	Nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính nơi ứng cử (chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử)	14/3/2021	Khoản 2 Điều 36	
14	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai (chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử)	19/3/2021	Khoản 1 Điều 43	
15	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cấp huyện, cấp xã tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai (chậm nhất là 65 ngày trước ngày bầu cử)	19/3/2021	Khoản 1 Điều 44, Điều 53	

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
16	Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 55 ngày trước ngày bầu cử)	29/3/2021	Điều 47	
17	Thành lập Tổ bầu cử (chậm nhất là 50 ngày trước ngày bầu cử)	03/4/2021	Điều 25	
18	Niêm yết danh sách cử tri (chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử); tiến hành xong việc xác minh và trả lời về các vụ việc cử tri nêu lên đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử)	13/4/2021	Điều 32, Khoản 4 Điều 46, Điều 55	
19	Cử tri khiếu nại về việc lập danh sách cử tri (trong vòng 30 ngày kể từ ngày niêm yết danh sách); cơ quan lập danh sách cử tri giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho người khiếu nại (trong thời hạn 05 ngày)	13/5/2021	Điều 33	
20	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba (chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử)	18/4/2021	Khoản 1 Điều 48	
21	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cấp huyện, cấp xã tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba (chậm nhất là 35 ngày trước ngày bầu cử)	18/4/2021	Khoản 1 Điều 49, Điều 56	
22	Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia (chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử)	23/4/2021	Khoản 1 Điều 57	
23	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được Ủy ban MTTQ tỉnh giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Ủy ban bầu cử tỉnh (chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử)	23/4/2021	Khoản 2 Điều 57	

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
24	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh, cấp huyện, cấp xã gửi biên bản hội nghị hiệp thương, danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử được UB MTTQ cùng cấp giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND đến Thường trực HĐND, UB MTTQ cấp trên trực tiếp và Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử cùng cấp (chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử)	23/4/2021	Khoản 1 Điều 58	
25	Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách do Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Ủy ban bầu cử tỉnh gửi đến (chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử)	28/4/2021	Khoản 4 Điều 57	
26	Ủy ban bầu cử lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử (chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử)	28/4/2021	Khoản 2 Điều 58	
27	Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Ban bầu cử (chậm nhất 25 ngày trước ngày bầu cử); nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử (chậm nhất 25 ngày trước ngày bầu cử)	28/4/2021	Điểm h Khoản 2 Điều 23, Điểm d Khoản 3 Điều 24	
28	Ủy ban bầu cử tỉnh Thanh Hóa công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia (chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử)	03/5/2021	Khoản 7 Điều 57	
29	Tổ bầu cử niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở khu vực bỏ phiếu (chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử)	03/5/2021	Điều 59	
30	Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ	22/5/2021 07 giờ sáng	Điều 64	
31	Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử (thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử)	13/5/2021	Điều 61	

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
32	Sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền	13/5/2021	Điều 61	
33	Trong thời hạn 10 ngày Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương	13/5/2021	Điều 70	
NGÀY BẦU CỬ TOÀN QUỐC ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021- 2026, CHỦ NHẬT - NGÀY 23 THÁNG 5 NĂM 2021				
34	Ban bầu cử lập và gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử (03 bản) đến Hội đồng bầu cử Quốc gia, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh (chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử)	28/5/2021	Khoản 3 Điều 77	
35	Ban bầu cử lập và gửi biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử (04 bản) đến Ủy ban bầu cử cùng cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp (chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử)	28/5/2021	Khoản 4 Điều 77	
36	Ủy ban bầu cử tỉnh lập biên bản (04 bản) gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Ủy ban MTTQ tỉnh (chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử)	30/5/2021	Khoản 3 Điều 83	
37	Ủy ban bầu cử căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử, công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình (chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử)	02/6/2021	Khoản 2 Điều 86	
38	Ấn định ngày bầu cử thêm nếu có (chậm nhất 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên)	07/6/2021	Khoản 3 Điều 79	

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
39	Ấn định ngày bầu cử lại trong trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri (chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên)	07/6/2021	Khoản 4 Điều 80	
40	Ấn định ngày bầu cử lại trong trường hợp hủy bỏ kết quả bầu cử ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử có vi phạm pháp luật nghiêm trọng (chậm nhất là 15 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên)	07/6/2021	Khoản 2 Điều 81	
41	Hội đồng bầu cử quốc gia lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước (05 bản) gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban TW MTTQ Việt Nam và trình Quốc hội khóa mới	07/6/2021	Khoản 3 Điều 84	
42	Ủy ban bầu cử lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân mà mình chịu trách nhiệm tổ chức (06 bản); cấp huyện, xã gửi HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ cùng cấp và cấp trên trực tiếp; cấp tỉnh gửi HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban TW MTTQ Việt Nam	07/6/2021	Điều 85	
43	Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước, công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội (chậm nhất là 20 ngày sau ngày bầu cử)	12/6/2021	Khoản 1 Điều 86	
44	Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội		Khoản 1, 2 Điều 87	
45	Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân		Khoản 1, 2 Điều 87	
46	Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại		Điều 87	

TT	Nội dung công việc	Thời hạn chậm nhất	Điều luật	Ghi chú
47	Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại		Điều 87	
48	Xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân		Khoản 1, 2 Điều 88	
49	Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu, bàn giao biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa mới		Điều 20	
50	Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương kết thúc nhiệm vụ sau khi trình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hồ sơ, tài liệu về bầu cử tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới		Điều 28	
51	Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân		Điều 28	